TOÀ ÁN ND HUYỆN LẠNG GIANG TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **61** /2017/ HNGĐ-ST
Ngày 06/09/2017
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thanh Xuân, ông Giáp Đức Sơn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Thủy- Cán bộ toà án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang: Bà Hà Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/09/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 223/2017/TLST-HNGĐ ngày 04/07/2017, về việc tranh chấp hôn nhân gia đình; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109 /2017/QĐST-HNGĐ ngày 24/08/2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1997
Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang.(Có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1989
Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Giang.
Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Công an tỉnh Bắc Giang.(Có đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Chị và anh Trần Văn N có đăng ký kết hôn vào ngày 17/10/2014 tại UBND xã B. Trước khi cưới vợ chồng có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn chị về gia đình nhà anh N chung sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn tháng 04/2016. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm của vợ chồng không hợp nhau, anh N ham chơi bời, cờ bạc và đã bị Tòa án xét xử về tội đánh bạc, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân và không còn tình cảm giành cho nhau. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Hà G, sinh ngày 18/01/2015. Hiện nay con đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn chị đề nghị Tòa án giao

con chung của vợ chồng cho chị nuôi dưỡng. Hiện nay chị đang làm công nhân thu nhập khoảng 7.000.000đồng/ tháng. Anh N hiện nay đang chấp hành án phạt tù.

Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anhTrần Văn N trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh Tcó đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã B. Sau khi cưới chị T về gia đình nhà anh chung sống. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, có cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng hay xô xát cãi nhau, tháng 05/2016 vợ chồng mâu thẫn trầm trọng, tháng 4/2017 chị T đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống cho đến nay. Hiện nay anh đang chấp hành án phạt tù tại trại giam công an tỉnh Bắc Giang. Nay chị Txin ly hôn anh không đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Hà G, sinh ngày 18/01/2015. Hiện nay con đang ở với chị T. Vợ chồng ly hôn anh đề nghị được nuôi con chung của vợ chồng.

Về cấp dưỡng nuôi con không đề nghị chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh đang chấp hành án phạt tù tại trại giam – Công an tỉnh Bắc Giang anh xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị gửi bản án cho anh đề anh thực hiền quyền và nghĩa vụ của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, chị T và anh N không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh Trần Văn N có ý kiến xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về yêu cầu xin ly hôn của chị T: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Trần Văn N.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh T nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Trần Hà G, sinh ngày 18/01/2015.

Về án phí: Chị T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa. Sau khi thảo luận, nghị án Hội đồng xét xử xét thấy:

Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Lạng Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Anh Trần Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt hội đồng xét xử căn cứ vào khoảng 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trần Văn N có đăng ký kết hôn vào ngày 17/10/2014 tại UBND xã B, huyện C. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của chị Tâm về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân của 02 vợ chồng, phù hợp với lời khai của anh N, biên bản xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N. Tại bản bản lấy lời khai anh N có thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2016 và đã sống ly thân từ tháng 04/2017 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy rằng, trong thời gian sống chung vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2017 cho đến nay,việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần cho chị T được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng chị T và anh N có 01 con chung là cháu Trần Hà Giang, sinh ngày 18/01/2015 chị T và anh N đều có ý kiến xin được nuôi con chung. Đối với yêu cầu xin nuôi con của chị T, anh N thì hội đồng xét xử xét thấy:

Hiện nay cháu Trần Hà G do chị T là người trực tiếp nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án chị T đã chứng minh được có đủ khả năng và điều kiện nuôi con như thu nhập ổn định /tháng, có chỗ ở ổn định. Anh N hiện nay đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình có quy định " Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con". Hiện nay cháu Trần Hà G chưa được 36 tháng tuổi và anh N đang chấp hành án phạt tù, không đủ điều kiện để nuôi con. Để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung, cần giao cho chị Nguyễn Thị T Tâm tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Hà G, sinh ngày 18/01/2015 là phù hợp.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở anh N thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chị T và anh N đều không có yêu cầu xem xét cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T và anh N đều không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82, 83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị T Tâm được ly hôn anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh T nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Trần Hà G, sinh ngày 18/01/2015.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở anh N thực hiện quyền này.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0002414 ngày 04/07/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị T có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh N vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Hà